

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/09/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục thủ tục hành chính tham gia cơ chế một cửa quốc gia đủ điều

kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1069/QĐ-BXD ngày 14/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để t/h);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TTCNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Minh Hà

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
1	Hàng hải và đường thủy	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Cảng vụ Đường thủy nội địa; UBND cấp tỉnh; Cảng vụ hàng hải; Sở Xây dựng;
2	Hàng hải và đường thủy	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; UBND cấp tỉnh; Sở Xây dựng
3	Hàng hải và đường thủy	1.009457	Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động	X		Bộ Xây dựng
4	Hàng hải và đường thủy	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
5	Hàng hải và đường thủy	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chi cục hàng hải và Đường thủy khu vực, Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa, Sở Xây dựng, UBND cấp xã nếu được phân cấp.
6	Hàng hải và đường thủy	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
7	Hàng hải và đường thủy	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng
8	Hàng hải và đường thủy	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
9	Hàng hải và đường thủy	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
10	Hàng hải và đường thủy	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài			
11	Hàng hải và đường thủy	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
12	Hàng hải và đường thủy	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
13	Hàng hải và đường thủy	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng
14	Hàng hải và đường thủy	1.009448	Thiết lập khu neo đậu	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Sở Xây dựng
15	Hàng hải và đường thủy	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	X		Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
16	Hàng hải và đường thủy	1.009446	Công bố chuyên bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
17	Hàng hải và đường thủy	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	X		Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, UBND cấp xã
18	Hàng hải và đường thủy	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
19	Hàng hải và đường thủy	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
20	Hàng hải và đường thủy	1.004828	Cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
21	Hàng hải và đường thủy	1.004425	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
22	Hàng hải và đường thủy	1.004291	Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa; Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa
23	Hàng hải và đường thủy	1.004284	Công bố mở cảng cạn và công bố mở cảng cạn đối với điểm thông quan hàng hóa đã có chủ trương chuyển thành cảng cạn	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
24	Hàng hải và đường thủy	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
25	Hàng hải và đường thủy	1.004166	Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
26	Hàng hải và đường thủy	1.004162	Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
27	Hàng hải và đường thủy	1.004157	Công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			nước hoặc đưa bên cảng, cầu cảng vào khai thác tạm			
28	Hàng hải và đường thủy	1.004123	Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
29	Hàng hải và đường thủy	1.004110	Công bố thông báo hàng hải về việc thay đổi đặc tính, tạm ngừng, phục hồi, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa
30	Hàng hải và đường thủy	1.004106	Thủ tục công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa
31	Hàng hải và đường thủy	1.004077	Công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
32	Hàng hải và đường thủy	1.004058	Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa
33	Hàng hải và đường thủy	1.004053	Chấp thuận tiến hành các hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa
34	Hàng hải và đường thủy	1.004050	Đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu vận chuyển chất phóng xạ	X		Bộ Xây dựng; Thủ tướng Chính phủ
35	Hàng hải và đường thủy	2.001719	Đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			về môi trường trong vùng biển Việt Nam			
36	Hàng hải và đường thủy	2.001580	Tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa; Văn phòng đại diện Cảng vụ Hàng hải
37	Hàng hải và đường thủy	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ Đường thủy nội địa; Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ Đường thủy nội địa
38	Hàng hải và đường thủy	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ Đường thủy nội địa
39	Hàng hải và đường thủy	1.003265	Chấp thuận việc thực hiện sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền hoặc thực hiện các hoạt động hàng hải khác trong vùng nước cảng biển nếu có ảnh hưởng đến phương án phòng, chống cháy, nổ	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa
40	Hàng hải và đường thủy	1.002788	Đăng ký và cấp Sổ thuyền viên	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
41	Hàng hải và đường thủy	1.002787	Cấp lại Sổ thuyền viên	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
42	Hàng hải và đường thủy	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
43	Hàng hải và đường thủy	1.002687	Đăng ký tàu biển không thời hạn	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
44	Hàng hải và đường thủy	1.002674	Đăng ký tàu biển có thời hạn	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
45	Hàng hải và đường thủy	1.002645	Đăng ký tàu biển tạm thời	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
46	Hàng hải và đường thủy	1.002582	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
47	Hàng hải và đường thủy	1.002578	Đăng ký tàu biển đang đóng	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
48	Hàng hải và đường thủy	1.002550	Đăng ký tàu biển loại nhỏ	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
49	Hàng hải và đường thủy	1.002508	Xóa đăng ký	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
50	Hàng hải và đường thủy	1.002490	Giao tuyến dẫn tàu	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
51	Hàng hải và đường thủy	1.002472	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên Việt Nam đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
52	Hàng hải và đường thủy	1.002460	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
53	Hàng hải và đường thủy	1.002448	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
54	Hàng hải và đường thủy	1.002441	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
55	Hàng hải và đường thủy	1.002420	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy Chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
56	Hàng hải và đường thủy	1.002408	Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
57	Hàng hải và đường thủy	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	X		Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ đường thủy nội địa; Hải quan cửa khẩu; UBND cấp xã
58	Hàng hải và đường thủy	1.002345	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
59	Hàng hải và đường thủy	1.002228	Thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
60	Hàng hải và đường thủy	1.001899	Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
61	Hàng hải và đường thủy	1.001889	Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
62	Hàng hải và đường thủy	1.000563	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu (CLC 1992)	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
63	Hàng hải và đường thủy	1.000469	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 2001 (BCC)	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
64	Hàng hải và đường thủy	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
65	Hàng hải và đường thủy	1.000289	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
66	Hàng hải và đường thủy	1.000279	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyển vùng hoạt động; hoa tiêu hàng hải dẫn tàu trên tuyến mới trong vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
67	Hàng hải và đường thủy	1.000274	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
68	Hàng hải và đường thủy	1.000267	Cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải Phần I	X		Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
69	Hàng hải và đường thủy	2.002623	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia	X		Bộ Xây dựng
70	Hàng hải và đường thủy	3.000188	Chấp thuận hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam	X		Bộ Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
71	Hàng hải và đường thủy	1.004850	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải		X	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
72	Hàng hải và đường thủy	1.004276	Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải		X	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Cảng vụ Đường thủy nội địa; Cảng vụ hàng hải
73	Hàng hải và đường thủy	1.004239	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		X	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
74	Hàng hải và đường thủy	1.004137	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		X	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
75	Hàng hải và đường thủy	1.003570	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		X	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
76	Hàng hải và đường thủy	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	X		UBND cấp tỉnh

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
77	Hàng hải và đường thủy	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	X		UBND cấp xã
78	Hàng hải và đường thủy	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	X		UBND cấp xã; UBND cấp tỉnh
79	Hàng hải và đường thủy	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	X		UBND cấp xã
80	Hàng hải và đường thủy	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	X		UBND cấp xã
81	Hàng hải và đường thủy	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa		X	UBND cấp xã
82	Hàng hải và đường thủy	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	X		UBND cấp xã
83	Hàng hải và đường thủy	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	X		UBND cấp tỉnh
84	Hàng hải và đường thủy	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	X		UBND cấp tỉnh

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
85	Hàng hải và đường thủy	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	X		UBND cấp tỉnh
86	Hàng hải và đường thủy	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	X		Sở Xây dựng
87	Hàng hải và đường thủy	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		UBND cấp xã
88	Hàng hải và đường thủy	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		UBND cấp xã
89	Hàng hải và đường thủy	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	X		UBND cấp xã
90	Hàng hải và đường thủy	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	X		UBND cấp xã
91	Hàng hải và đường thủy	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu,	X		UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc để quan sát			
92	Hàng hải và đường thủy	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc để quan sát	X		UBND cấp xã
93	Hàng hải và đường thủy	2.001802	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	X		UBND cấp tỉnh
94	Hàng hải và đường thủy	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	X		Sở Xây dựng; UBND cấp tỉnh
95	Hàng hải và đường thủy	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	X		UBND cấp tỉnh
96	Hàng hải và đường thủy	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	X		UBND cấp tỉnh

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
97	Hàng hải và đường thủy	1.003878	Tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch của quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực biên giới của Việt Nam và quốc gia đó		X	Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ Đường thủy nội địa; Văn phòng đại diện Cảng vụ Hàng hải
98	Hàng hải và đường thủy	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	X		Bộ Công thương; UBND cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an
99	Hàng hải và đường thủy	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	X		Bộ Công thương; UBND cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an
100	Hàng hải và đường thủy	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	X		Bộ Công thương; UBND cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an
101	Hàng hải và đường thủy	1.002656	Cấp Giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam	X		Cơ quan đại diện Việt Nam nơi mua tàu hoặc nơi bàn giao tàu

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
102	Hàng hải và đường thủy	1.004323	Tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam mà không chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc không có hành khách, thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	X		Cảng vụ hàng hải; Văn phòng đại diện Cảng vụ Hàng hải; Biên phòng cửa khẩu; Cảng vụ hàng hải; Văn phòng đại diện Cảng vụ Hàng hải; Biên phòng cửa khẩu
103	Hàng hải và đường thủy	1.003640	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia		X	Sở Xây dựng
104	Hàng hải và đường thủy	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	X		Sở Xây dựng; Cơ sở đào tạo đủ điều kiện được công nhận
105	Hàng hải và đường thủy	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	X		Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn
106	Hàng hải và đường thủy	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	X		Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn
107	Hàng hải và đường thủy	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu	X		Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện			
108	Hàng hải và đường thủy	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	X		Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn
109	Hàng hải và đường thủy	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	X		Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn
110	Hàng hải và đường thủy	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	X		Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn
111	Hàng hải và đường thủy	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	X		Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn
112	Hàng hải và đường thủy	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa,	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải			
113	Hàng hải và đường thủy	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	X		Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn
114	Hàng hải và đường thủy	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật		X	Sở Xây dựng; UBND cấp xã, phường, thị trấn
115	Hàng hải và đường thủy	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	X		Sở Xây dựng
116	Hàng hải và đường thủy	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	X		Sở Xây dựng
117	Đăng kiểm	2.000082	Cấp văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam	X		Cục Đăng kiểm Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
118	Đăng kiểm	1.000017	Cấp lại Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	X		Cục Đăng kiểm Việt Nam
119	Đăng kiểm	1.013335	Bổ sung hồ sơ đăng ký chứng nhận xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
120	Đăng kiểm	1.013334	Cấp mở rộng Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
121	Đăng kiểm	1.013333	Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
122	Đăng kiểm	1.013332	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp			
123	Đăng kiểm	1.013331	Cấp lại Chứng chỉ chất lượng phụ tùng xe cơ giới trong trường hợp Chứng chỉ chất lượng hết hiệu lực hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến người nhập khẩu trên chứng chỉ chất lượng		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
124	Đăng kiểm	1.013329	Cấp đổi Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
125	Đăng kiểm	1.013330	Cấp lại Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong trường hợp bị mất		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
126	Đăng kiểm	1.013328	Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
127	Đăng kiểm	1.013327	Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
128	Đăng kiểm	1.013071	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
129	Đăng kiểm	1.004990	Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	X		Cục Đăng kiểm Việt Nam
130	Đăng kiểm	1.004424	Công nhận đăng kiểm viên (lần đầu) phương tiện thủy nội địa		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
131	Đăng kiểm	1.004296	Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển(Bộ luật ISPS)		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
132	Đăng kiểm	1.004281	Phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ Luật ISPS)		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
133	Đăng kiểm	1.004268	Cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
134	Đăng kiểm	1.001319	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	X		Cục Đăng kiểm Việt Nam
135	Đăng kiểm	1.000300	Cấp Giấy chứng nhận thợ hàn		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
136	Đăng kiểm	1.000256	Phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II và cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
137	Đăng kiểm	1.000010	Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
138	Đăng kiểm	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy		X	Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
139	Đăng kiểm	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy		X	Sở Xây dựng
140	Đăng kiểm	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới		X	Sở Xây dựng
141	Đăng kiểm	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới		X	Sở Xây dựng
142	Đăng kiểm	1.013070	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
143	Đăng kiểm	1.013069	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
144	Hàng không	1.004724	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	X		Cảng vụ Hàng không

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
145	Hàng không	1.004719	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay	X		Cảng vụ Hàng không
146	Hàng không	1.004711	Chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay	X		Cảng vụ Hàng không
147	Hàng không	1.004706	Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay	X		Cục Hàng không Việt Nam
148	Hàng không	1.004480	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	X		Cục Hàng không Việt Nam
149	Hàng không	1.004465	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	X		Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
150	Hàng không	1.004419	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam	X		Cảng vụ hàng không
151	Hàng không	1.004418	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài	X		Cảng vụ Hàng không
152	Hàng không	1.004413	Cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay	X		Cục Hàng không Việt Nam
153	Hàng không	1.004372	Cấp lại Giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	X		Cục Hàng không Việt Nam
154	Hàng không	1.003894	Cấp lại Giấy phép, năng định cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT)	X		Cục Hàng không Việt Nam
155	Hàng không	1.003528	Thủ tục đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay	X		Cục Hàng không Việt Nam
156	Hàng không	1.003389	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay	X		Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
157	Hàng không	1.002897	Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	X		Cảng vụ Hàng không
158	Hàng không	1.002894	Phê duyệt Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không	X		Cục Hàng không Việt Nam
159	Hàng không	1.002890	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng	X		Cục Hàng không Việt Nam /Bộ Xây dựng
160	Hàng không	1.002886	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không	X		Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ Hàng không
161	Hàng không	1.002884	Cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay	X		Cảng vụ Hàng không
162	Hàng không	1.002880	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	X		Cảng vụ Hàng không

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
163	Hàng không	1.002866	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	X		Cục Hàng không Việt Nam
164	Hàng không	1.002855	Sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	X		Cục Hàng không Việt Nam
165	Hàng không	1.002523	Cấp quyền vận chuyển hàng không	X		Cục Hàng không Việt Nam
166	Hàng không	2.001037	Đăng ký Điều lệ vận chuyển của hãng hàng không Việt Nam	X		Cục Hàng không Việt Nam
167	Hàng không	1.001388	Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam	X		Cục Hàng không Việt Nam
168	Hàng không	1.001381	Cấp phép bay quá cảnh cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam	X		Cục Hàng không Việt Nam
169	Hàng không	1.000283	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay	X		Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
170	Hàng không	1.000271	Thủ tục cấp lại Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay	X		Cục Hàng không Việt Nam
171	Hàng không	1.000254	Thủ tục cấp lại Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (ANS)	X		Cục Hàng không Việt Nam
172	Hàng không	1.009439	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình		X	Cục Hàng không Việt Nam
173	Hàng không	1.009437	Thủ tục phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay hiện có		X	Cục Hàng không Việt Nam
174	Hàng không	1.009438	Phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư		X	Cục Hàng không Việt Nam
175	Hàng không	1.005193	Thủ tục sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA		X	Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
176	Hàng không	1.004986	Sửa đổi Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)		X	Cục Hàng không Việt Nam
177	Hàng không	1.004716	Cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
178	Hàng không	1.004713	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
179	Hàng không	1.004709	Đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác		X	Cục Hàng không Việt Nam
180	Hàng không	1.004417	Thủ tục phê chuẩn tổ chức chế tạo sản phẩm, phụ tùng, thiết bị tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
181	Hàng không	1.004416	Thủ tục phê chuẩn Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế sản phẩm, phụ tùng, thiết bị tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
182	Hàng không	1.004415	Phê chuẩn sửa đổi, bổ sung tài liệu hướng dẫn khai thác, bảo dưỡng của người khai thác tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
183	Hàng không	1.004414	Thủ tục Phê chuẩn việc sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng (SIM)		X	Cục Hàng không Việt Nam
184	Hàng không	1.004412	Cấp Giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)		X	Cục Hàng không Việt Nam
185	Hàng không	1.004411	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu		X	Cục Hàng không Việt Nam
186	Hàng không	1.004408	Thủ tục cấp, công nhận Giấy chứng nhận loại		X	Cục Hàng không Việt Nam
187	Hàng không	1.004380	Gia hạn năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay (AMT)/nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)		X	Cục Hàng không Việt Nam
188	Hàng không	1.004362	Thủ tục cấp, gia hạn, công nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
189	Hàng không	1.004317	Cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC)		X	Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
190	Hàng không	1.004306	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
191	Hàng không	1.004289	Cấp Giấy phép, năng định cho người lái tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
192	Hàng không	1.004286	Cấp lại Giấy phép, năng định cho người lái tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
193	Hàng không	1.004270	Gia hạn năng định cho người lái tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
194	Hàng không	1.003917	Cấp Giấy phép, năng định cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT)		X	Cục Hàng không Việt Nam
195	Hàng không	1.003850	Cấp giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)		X	Cục Hàng không Việt Nam
196	Hàng không	1.003818	Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)		X	Cục Hàng không Việt Nam
197	Hàng không	1.003747	Thủ tục đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam		X	Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
198	Hàng không	1.003708	Thủ tục đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam		X	Cục Hàng không Việt Nam
199	Hàng không	1.003663	Thủ tục xóa đăng ký quốc tịch tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
200	Hàng không	1.003555	Thủ tục cung cấp thông tin đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
201	Hàng không	1.003551	Gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức thiết kế sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
202	Hàng không	1.003541	Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
203	Hàng không	1.003538	Gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức chế tạo sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
204	Hàng không	1.003509	Thủ tục xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
205	Hàng không	1.003492	Thủ tục đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
206	Hàng không	1.003406	Thủ tục xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
207	Hàng không	1.003405	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
208	Hàng không	1.003402	Thủ tục cấp mã số AEP		X	Cục Hàng không Việt Nam
209	Hàng không	1.003398	Thủ tục đăng ký văn bản IDERA		X	Cục Hàng không Việt Nam
210	Hàng không	1.003393	Thủ tục xóa đăng ký văn bản IDERA		X	Cục Hàng không Việt Nam
211	Hàng không	1.002903	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại		X	Cục Hàng không Việt Nam
212	Hàng không	1.002899	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại		X	Cục Hàng không Việt Nam
213	Hàng không	1.002845	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không		X	Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ Hàng không

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam			
214	Hàng không	1.002511	Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài		X	Cục Hàng không Việt Nam
215	Hàng không	1.000597	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)		X	Cục Hàng không Việt Nam
216	Hàng không	1.000574	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)		X	Cục Hàng không Việt Nam
217	Hàng không	1.000465	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)		X	Cục Hàng không Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
218	Hàng không	1.000452	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)		X	Cục Hàng không Việt Nam
219	Hàng không	1.000423	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung		X	Cục Hàng không Việt Nam
220	Hàng không	1.000312	Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung		X	Cục Hàng không Việt Nam
221	Hàng không	2.000102	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (ANS)		X	Cục Hàng không Việt Nam
222	Hàng không	1.000246	Cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
223	Hàng không	1.000239	Cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay		X	Cục Hàng không Việt Nam
224	Hàng không	1.009436	Thủ tục chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế		X	Bộ Xây dựng; Bộ Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
225	Hàng không	1.004682	Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	X		Bộ Xây dựng; Bộ Xây dựng
226	Hàng không	1.004674	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không		X	Bộ Xây dựng; Bộ Xây dựng
227	Hàng không	1.001369	Mở cảng hàng không, sân bay		X	Bộ Xây dựng
228	Đường bộ	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	X		Khu Quản lý đường bộ; UBND cấp xã; Sở Xây dựng
229	Đường bộ	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	X		Cục Đường bộ Việt Nam; UBND cấp xã; Sở Xây dựng; Khu Quản lý đường bộ

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
230	Đường bộ	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	X		Cục Đường bộ Việt Nam, Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
231	Đường bộ	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	X		Khu Quản lý đường bộ
232	Đường bộ	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	X		Cục Đường bộ Việt Nam/ Khu Quản lý đường bộ
233	Đường bộ	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	X		Khu quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, UBND cấp xã
234	Đường bộ	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	X		Bộ Xây dựng/UBND cấp tỉnh
235	Đường bộ	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	X		Khu Quản lý đường bộ; Sở Xây dựng; UBND cấp xã
236	Đường bộ	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			siêu trường, siêu trọng trên đường bộ			
237	Đường bộ	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	X		UBND cấp tỉnh
238	Đường bộ	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	X		UBND cấp tỉnh
239	Đường bộ	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác		X	Sở Giao thông vận tải
240	Đường bộ	1.000672	Công bố lại bến xe khách		X	Sở Xây dựng
241	Đường bộ	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	X		Sở Xây dựng
242	Đường bộ	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
243	Đường bộ	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	X		Sở Xây dựng
244	Đường bộ	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo		X	Sở Xây dựng
245	Đường bộ	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	X		Sở Xây dựng
246	Đường bộ	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái		X	Sở Xây dựng
247	Đường bộ	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		X	Sở Xây dựng
248	Đường bộ	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái		X	Sở Xây dựng
249	Đường bộ	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
250	Đường bộ	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	X		Sở Xây dựng
251	Đường bộ	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	X		Sở Xây dựng
252	Đường bộ	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	X		Sở Xây dựng
253	Đường bộ	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	X		Sở Xây dựng
254	Đường bộ	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	X		UBND cấp tỉnh
255	Đường bộ	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác	X		UBND cấp tỉnh

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			tuyển vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào			
256	Đường bộ	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	X		Sở Xây dựng
257	Đường bộ	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	X		Sở Xây dựng
258	Đường bộ	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	X		Sở Xây dựng
259	Đường bộ	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	X		Sở Xây dựng
260	Đường bộ	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô		X	Sở Xây dựng
261	Đường bộ	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
262	Đường bộ	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	X		Sở Xây dựng
263	Đường bộ	1.013277	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch		X	UBND cấp tỉnh
264	Đường bộ	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	X		Sở Xây dựng
265	Đường bộ	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	X		Sở Xây dựng
266	Đường bộ	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
267	Đường bộ	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	X		Sở Xây dựng
268	Đường bộ	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	X		Sở Xây dựng
269	Đường bộ	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	X		Sở Xây dựng
270	Đường bộ	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ		X	Bộ Công thương; Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an
271	Đường bộ	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép		X	Bộ Công thương; UBND cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
272	Đường bộ	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	X		UBND cấp tỉnh
273	Đường bộ	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	X		UBND cấp tỉnh
274	Đường bộ	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc số TAD	X		UBND cấp tỉnh
275	Đường bộ	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ		X	Bộ Công thương; UBND cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an
276	Đường bộ	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam	X		Sở Xây dựng
277	Đường bộ	1.002374	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc	X		Sở Xây dựng
278	Đường bộ	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
279	Đường sắt	1.010000	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
280	Đường sắt	1.009479	Xét cấp giấy phép lái tàu	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
281	Đường sắt	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
282	Đường sắt	1.005126	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
283	Đường sắt	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
284	Đường sắt	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
285	Đường sắt	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
286	Đường sắt	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
287	Đường sắt	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
288	Đường sắt	1.003897	Cấp lại Giấy phép lái tàu	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
289	Đường sắt	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	X		Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
290	Đường sắt	1.005071	Sát hạch cấp giấy phép lái tàu		X	Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch UBND cấp tỉnh
291	Nhà ở và công sở	1.012889	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành cơ quan Trung ương	X		Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản
292	Nhà ở và công sở	1.007765	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	X		Đơn vị quản lý vận hành nhà ở
293	Nhà ở và công sở	1.012882	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
294	Nhà ở và công sở	1.012883	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	X		UBND cấp tỉnh, Sở Xây dựng
295	Nhà ở và công sở	1.012884	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	X		Sở Xây dựng
296	Nhà ở và công sở	1.012885	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	X		UBND cấp tỉnh, Sở Xây dựng
297	Nhà ở và công sở	1.012886	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	X		UBND cấp tỉnh, Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
298	Nhà ở và công sở	1.012887	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	X		UBND cấp tỉnh, Sở Xây dựng
299	Nhà ở và công sở	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	X		UBND cấp xã
300	Nhà ở và công sở	1.012890	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	X		UBND cấp tỉnh
301	Nhà ở và công sở	1.012891	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	X		Sở Xây dựng; Đơn vị quản lý vận hành nhà ở
302	Nhà ở và công sở	1.012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	X		UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp xã (nếu được phân cấp, ủy quyền), Bộ Quốc phòng, Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở
303	Nhà ở và công sở	1.012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	X		UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp xã (nếu được phân cấp, ủy quyền), Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
304	Nhà ở và công sở	1.012895	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân		X	UBND cấp tỉnh
305	Nhà ở và công sở	1.012896	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công		X	Sở Xây dựng; Đơn vị quản lý vận hành nhà ở
306	Nhà ở và công sở	1.013769	chuyên đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	X		UBND cấp tỉnh
307	Nhà ở và công sở	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở		X	Công an Xã, UBND cấp xã, Văn phòng đăng ký đất đai
308	Nhà ở và công sở	3.000506	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	X		Chủ tịch UBND cấp tỉnh

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
309	Nhà ở và công sở	3.000507	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	X		Chủ tịch UBND cấp tỉnh
310	Nhà ở và công sở	3.000508	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	X		Chủ tịch UBND cấp tỉnh
311	Nhà ở và công sở	1.012892	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	X		UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp xã (nếu được phân cấp, ủy quyền), Bộ Quốc phòng, Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở
312	Nhà ở và công sở	1.012897	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	X		UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp xã (nếu được phân cấp, ủy quyền), Bộ Quốc phòng, Sở Xây

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
						dụng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở
313	Nhà ở và công sở	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	X		UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp xã (nếu được phân cấp, ủy quyền), Bộ Quốc phòng, Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở
314	Kinh doanh bất động sản	1.012899	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng	X		Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản
315	Kinh doanh bất động sản	1.012900	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	X		Sở Xây dựng
316	Kinh doanh bất động sản	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
317	Kinh doanh bất động sản	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	X		Sở Xây dựng
318	Kinh doanh bất động sản	1.012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở		X	Sở Xây dựng
319	Kinh doanh bất động sản	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua		X	Sở Xây dựng
320	Kinh doanh bất động sản	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.		X	Sở Xây dựng
321	Kinh doanh bất động sản	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	X		Sở Xây dựng
322	Kinh doanh bất động sản	1.012910	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường	X		Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)			
323	Kinh doanh bất động sản	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản		X	UBND cấp tỉnh
324	Hoạt động xây dựng	1.013216	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh		X	Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
325	Hoạt động xây dựng	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng		X	Sở Xây dựng; Tổ chức xã hội - nghề nghiệp
326	Hoạt động xây dựng	1.013218	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh		X	Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
327	Hoạt động xây dựng	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng		X	Sở Xây dựng; Tổ chức xã hội - nghề nghiệp
328	Hoạt động xây dựng	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài		X	Sở Xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
329	Hoạt động xây dựng	1.013223	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình		X	Sở Xây dựng
330	Hoạt động xây dựng	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài		X	Sở Xây dựng
331	Hoạt động xây dựng	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
332	Hoạt động xây dựng	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		UBND cấp xã
333	Hoạt động xây dựng	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
334	Hoạt động xây dựng	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		UBND cấp xã
335	Hoạt động xây dựng	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
336	Hoạt động xây dựng	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		X	Sở Xây dựng và các Ban quản lý: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)
337	Hoạt động xây dựng	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		X	Sở Xây dựng và các Ban quản lý: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
338	Hoạt động xây dựng	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	X		UBND cấp xã
339	Hoạt động xây dựng	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		X	Sở Xây dựng và các Ban quản lý: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
340	Hoạt động xây dựng	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh		X	Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Ban quản lý: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã (trường hợp được phân cấp)
341	Hoạt động xây dựng	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)		X	Sở Xây dựng và các Ban quản lý: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
342	Hoạt động xây dựng	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		X	Sở Xây dựng và các Ban quản lý: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)
343	Hoạt động xây dựng	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng		X	Sở Xây dựng; Tổ chức xã hội - nghề nghiệp
344	Hoạt động xây dựng	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		X	Sở Xây dựng và các Ban quản lý: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (theo phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
345	Hoạt động xây dựng	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh		X	Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Ban quản lý: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã (trường hợp được phân cấp)
346	Giám định tư pháp	1.011674	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng tại các cơ quan ở trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	X		Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng
347	Giám định tư pháp	2.001041	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng tại các cơ quan ở trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	X		Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng
348	Giám định tư pháp	1.011675	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	X		UBND cấp tỉnh

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
349	Giám định tư pháp	2.001116	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	X		Sở Xây dựng
350	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	1.009793	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành		X	Cơ quan chuyên môn được Bộ, cơ quan ngang Bộ giao
351	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)		X	UBND cấp tỉnh
352	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương		X	Cơ quan chuyên môn được Bộ, cơ quan ngang Bộ giao
353	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.008881	Thủ tục công nhận tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	X		Vụ Quy hoạch – Kiến trúc

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
354	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		X	Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định; UBND cấp xã
355	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	X		Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định; UBND cấp xã
356	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		X	Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định; UBND cấp xã
357	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	X		Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định; UBND cấp xã
358	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.008891	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	X		Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
359	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.008989	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	X		Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
360	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.008990	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	X		Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
361	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.008991	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	X		Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
362	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.008993	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	X		Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
363	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	X		Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định; UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
364	Giao thông vận tải	1.005032	Gia hạn thời hạn giấy phép cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam	X		Cục Đường bộ Việt Nam; Bộ Quốc phòng; Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao; Bộ Ngoại giao; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Cục Đường sắt Việt Nam; Cục Hàng không Việt Nam; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
365	Giao thông vận tải	1.005027	Đề nghị cấp giấy phép cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam	X		Bộ Xây dựng; Bộ Quốc phòng; Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao; Bộ Ngoại giao; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Cục Đường sắt Việt Nam; Cục Hàng không Việt Nam; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Cục Đường bộ Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
366	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	1.002636	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	X		Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng
367	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	1.002589	Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	X		Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng
368	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	1.002551	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	X		Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
369	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	1.002650	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng		X	Bộ Xây dựng
370	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	1.002613	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng		X	Bộ Xây dựng
371	Hạ tầng kỹ thuật	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh		X	Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định
372	Vật liệu xây dựng	1.014783	Cấp giấy phép lưu thông vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy		X	Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định

Phụ lục II**DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAM GIA CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
1	Hàng hải và đường thủy	1.004028	Tàu biển nhập cảnh	X		Cảng vụ hàng hải; cảng vụ đường thủy nội địa
2	Hàng hải và đường thủy	1.004004	Tàu biển xuất cảnh	X		Cảng vụ hàng hải; cảng vụ đường thủy nội địa
3	Hàng hải và đường thủy	2.001655	Tàu biển quá cảnh	X		Cảng vụ hàng hải
4	Hàng hải và đường thủy	1.003978	Tàu biển nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	X		Cảng vụ hàng hải
5	Hàng hải và đường thủy	1.003934	Tàu biển xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	X		Cảng vụ hàng hải

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
6	Hàng hải và đường thủy	1.002349	Tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	X		Cảng vụ hàng hải
7	Hàng hải và đường thủy	1.004332	Tàu biển rời cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	X		Cảng vụ hàng hải
8	Hàng hải và đường thủy	1.004312	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam	X		Cảng vụ hàng hải
9	Hàng hải và đường thủy	1.004304	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá	X		Cảng vụ hàng hải

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			cảng có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài			
10	Hàng hải và đường thủy	1.003829	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)	X		Cảng vụ hàng hải
11	Hàng hải và đường thủy	1.003785	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn	X		Cảng vụ hàng hải

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)			
12	Hàng hải và đường thủy	1.009440	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	X		Cảng vụ đường thủy nội địa
13	Hàng hải và đường thủy	1.009441	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam	X		Cảng vụ đường thủy nội địa
14	Đăng kiểm	1.011871	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
15	Đăng kiểm	1.011874	Cấp lại Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam

STT	Lĩnh vực	Mã thủ tục	Tên thủ tục hành chính	Toàn trình	Một phần	Đơn vị giải quyết
			khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP)			
16	Đăng kiểm	1.011872	Cấp Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP)		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
17	Đăng kiểm	1.011873	Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP)		X	Cục Đăng kiểm Việt Nam
18	Vật liệu xây dựng	1.014913	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2 nhập khẩu		X	Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh chỉ định
Tổng số 18 thủ tục hành chính đủ điều kiện				13	05	